

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/05/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM+VSP02+PVD2	7:25	1+3+18	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
2		P1+P7+PVD2	9:25	10+0+6	0+0+0		8+3+11	0+0+0	chuyen2 p7-Pvd2

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: MRM - VSP02 - PVD2	CREW: Phong - N.Anh - DTùng	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG TẠO	MRM	97-98	2	11		62	HALLIBUR	Vietnamese
2	NGUYỄN TÔ THANH	VSP02	72	1	7		65	SHINTRAC	Vietnamese
3	HỒ MINH TÂN	VSP02	73	1	10	10	88	SHINTRAC	Vietnamese
4	THẠCH HOANG DIỆU	VSP02	74	1	7		50	SHINTRAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DANH PHONG	PVD2	94-95	2	12		78	PVDRILLI	Vietnamese
6	NGUYỄN BÌNH MINH	PVD2	06	1	5		70	PVDRILLI	Vietnamese
7	HOANG NHẬT MINH	PVD2	11	1	5		75	PVDRILLI	Vietnamese
8	CU ĐÌNH TÙNG	PVD2	15	1	5		75	PVDRILLI	Vietnamese
9	TRÌNH HỮU KIẾN	PVD2	07-08	2	10		67	PVDRILLI	Vietnamese
10	TU DUONG VAN	PVD2	98	1	7		80	PVDRILLI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TRỌNG	PVD2	96	1	7		62	PVDRILLI	Vietnamese
12	NGO QUY THỊNH	PVD2	92-93	2	12		102	PVDRILLI	Vietnamese
13	ĐO PHU ĐẠT	PVD2	97	1	5		75	PVDRILLI	Vietnamese
14	LÊ NGỌC MẠNH	PVD2	12	1	7		76	PVDRILLI	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH HOÀNG	PVD2	14	1	7		75	PVDRILLI	Vietnamese
16	NGO ĐÌNH SƠN	PVD2	89	1	7		60	PVDRILLI	Vietnamese
17	HOANG TRUNG KIẾN	PVD2	13	1	10		95	PVDRILLI	Vietnamese
18	NGUYỄN PHUNG QUÊ	PVD2	91	1	4		72	PVDRILLI	Vietnamese
19	PHẠM NGỌC LONG	PVD2	09-10	2	7		65	PVDRILLI	Vietnamese
20	PHẠM TÂN NHỰT	PVD2	05	1	5		100	PVDRILLI	Vietnamese
21	NGUYỄN QUỐC TUÂN	PVD2	16	1	5		50	PVDRILLI	Vietnamese
22	TẠ NGỌC HÀ	PVD2	90	1	7		72	PVDRILLI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	1	2	11	62	0	0		
2	VSP02	3	3	24	203	10	1		
3	PVD2	18	22	127	1.349	0	21		
TOTAL		22	27	162	1.614	10	22		
WEIGHT KG				162	1.614	10			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/05/2022	TO: P1 - P7 - PVD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Phong - N.Anh - DTùng	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VI KHAC THANH	P1	17	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
2	CHU VAN HAY	P1	23-24	2	15	90	83	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG NGOC HOAI	P1	27	1	19	15	63	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI CONG THANH	P1	25-26	2	14		80	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN TIEN TRUONG	P1	15-16	2	12		64	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAN SY HOAN	P1	20	1	4		69	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC HIEN	P1	18	1	5	17	75	HA VIET	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐÌNH LỘC	P1	21	1	12		62	HA VIET	Vietnamese
9	ĐẶNG PHÁP ANH	P1	22	1	15		70	HA VIET	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC TIỀN	P1	34-35	2	11		55	HA VIET	Vietnamese
11	PHẠM VĂN TÂN	PVD2	08	1	5		60	PVDRILLIN	Vietnamese
12	ĐO XUAN CHI	PVD2	13	1	5	20	71	PVDRILLIN	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC ĐĂNG	PVD2	14	1	3		68	PVDRILLIN	Vietnamese
14	LÊ VĂN NGHĨA	PVD2	11-12	2	10		60	PVDRILLIN	Vietnamese
15	NGUYỄN HUY HOANG	PVD2	10	1	9		69	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HIỆU	PVD2	09	1	22		86	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

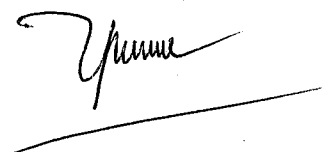
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	10	14	112	687	122	8		CHUYEN 2 PAX P7-PVD2
2	P7	0	0	0	0	0	3+2		
3	PVD2	6	7	54	414	20	11		
TOTAL		16	21	166	1.101	142	22		
WEIGHT KG				166	1.101	142			

GRAND TOAL: 1.409 KGS

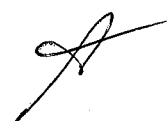
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/05/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+BK8+PPD	7:25	0+0+19	0+0+0		1+1+20	0+0+0	CHUYEN 2 tĐ1-bK8
2		BK14+CTK3+TTC2	7:25	0+21+0	0+0+0		0+18+4	0+0+0	CHUYEN 1 BK14-CTK3
3		P4+BK6+P3	7:25	21+0+1	0+0+0		18+0+2	0+0+0	CHUYEN 4 BK6-P3
4		AMD+P4+PPD	7:25	10+4+8	0+0+0		8+0+14	0+0+0	
5		RP3+RCDM+CTC1	9:25	21+1+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	CHUYEN 4 RCDM-CTC1
6		RC5+CI+P7	9:25	3+18+0	0+0+0		4+13+5	0+0+0	
7		CTK3+BK3+BK5	9:25	18+0+0	0+0+0		18+0+2	0+0+0	CHUYEN 4 BK3-BK5
8		RP3+RP1+BK16	9:25	16+1+5	0+0+0		9+5+7	0+0+0	
9		TD2+P8+AMD	11:25	16+0+6	0+0+0		4+9+9	0+0+0	
10		PPD+P5+HST	11:25	20+1+1	0+0+0		15+1+6	0+0+0	
11		RP3+GTCl+CI	11:25	2+5+10	0+0+0		0+5+17	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/1 NGUOI BK8 VỀ ĐI P5, 3 NGUOI CTC1 VỀ ĐI PPD; 1 NGUOI TĐ1 VỀ ĐI RCDM

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/05/2022	TO: TD1 - BK8 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VThắng - VLinh - THU	ETA: 09:10
xanh-1			

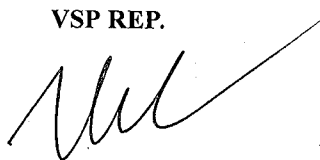
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GALLIAMOV	PPD	47	1	7		65	KH-THAC	Russian
2	PHUNG PHU SUA	PPD	42	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN HOAI BAO	PPD	96	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN SON	PPD	50	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
5	DAO MANH HUY	PPD	40	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI NGOC DUNG	PPD	45	1	8		57	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN GIANG	PPD	49	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NAM SINH	PPD	43	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TUAN ANH	PPD	38	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH HAI	PPD	37	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG NGOC TRUONG	PPD	39	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MANH THANG	PPD	48	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
13	TRUONG TRI DUNG	PPD	36	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	LUONG VAN TANG	PPD	34	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
15	DUONG DAI THANG	PPD	46	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRUONG GIANG	PPD	41	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN MANH CHIEN	PPD	36	1	5	65	65	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM THANH KIM	PPD	44	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
19	LAM TRONG DAI	PPD	93	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

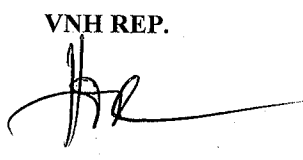
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	0	0	0	0	0	1	2	CHUYEN 02 PAX TU TDI SANG BK8
2	BK8	0	0	0	0	0	1		
3	PPD	19	19	121	1.296	65	20		
TOTAL		19	19	121	1.296	65	22		
WEIGHT KG				121	1.296	65			

GRAND TOAL: 1.482 KGS

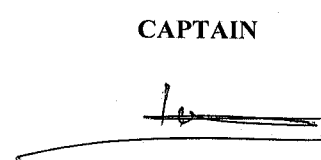
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: BK14 - CTK3 - TTC2	CREW: Phong - XTrường - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DU TRẦN HÙNG	CTK3	08	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ QUANG THẮNG	CTK3	03	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
3	BOGDANOV	CTK3	12-13	2	10		72	KH-THAC	Russian
4	TRINH QUỐC HUY	CTK3	14	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ CÔNG KHANG	CTK3	22	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TẤN PHONG	CTK3	10	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN DƯ	CTK3	15-16	2	15		58	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BA HUE	CTK3	09	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ THÀNH CHUNG	CTK3	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN HÈ	CTK3	18	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CTK3	04-05	2	5		73	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN KHUÔNG	CTK3	06	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐAM VĂN THANH	CTK3	21	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH KHÔI	CTK3	07	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	CTK3	19	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN SƠN HÀ	CTK3	11	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ TRUNG KIẾN	CTK3	02	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	26-27	2	18		60	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI HỮU HUÂN	CTK3	01	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH DŨNG	CTK3	23	1	12	28	90	KH-THAC	Vietnamese
21	TRINH VIỆT THẮNG	CTK3	20	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	0	0	0	0	0	0	1	CHUYỂN 01 PAX TỪ BK14 SANG CTK3
2	CTK3	21	25	153	1.496	28	18		
3	TTC2	0	0	0	0	40	4		
TOTAL		21	25	153	1.496	68	22		
WEIGHT KG				153	1.496	68			

GRAND TOTAL: 1.717 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: P4 - BK6 - P3	CREW: VTHU - ĐỨC - thông	ETA: 09:20
VANG-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZHURBIN N.B	P4	48	1	5		95	KHI	Russian
2	HA QUỐC VIỆT	P4	46	1	3		63	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	P4	41	1	6		71	KHI	Vietnamese
4	PHẠM VĂN QUYÊN	P4	34-36	3	20		78	KHI	Vietnamese
5	BUI HỮU LÂN	P4	38	1	5		76	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH CỬ	P4	78	1	6		78	KHI	Vietnamese
7	ĐOÀN THANH CÔNG	P4	37	1	7		74	KHI	Vietnamese
8	TRẦN DUY KHUÔNG	P4	44-45	2	16		84	KHI	Vietnamese
9	LÊ VĂN HƯƠNG	P4	43	1	5		68	KHI	Vietnamese
10	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	49	1	5		68	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LÊM	P4	50	1	11		68	CODIEN	Vietnamese
12	HA QUANG HUY	P4	53-54	2	10		68	CODIEN	Vietnamese
13	ĐẶNG TRỌNG DUNG	P4	77	1	7		68	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRÍ PHƯỚC	P4	51	1	7		78	CODIEN	Vietnamese
15	LÊ TRUNG LÂM	P4	39	1	4		70	KHI	Vietnamese
16	HOANG THAI DƯƠNG	P4	42	1	3		70	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN CHIẾN CÔNG	P4	52	1	5		70	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN THANH	P4	47	1	5		63	KHI	Vietnamese
19	HOANG ĐỨC LÂM ANH	P4	40	1	5		78	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	30	1	5		74	KHI	Vietnamese
21	TRỊNH XUÂN HUYỀN	P4	31-33	3	20		75	KHI	Vietnamese
22	BUI THẾ DƯƠNG	P3	97-99	3	17	35	64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	21	27	160	1.537	0	18		CHUYEN 4 PAX BK6 SANG P3
2	BK6	0	0	0	0	50	0 + 4		
3	P3	1	3	17	64	35	2		
TOTAL		22	30	177	1.601	85	20		
WEIGHT KG				177	1.601	85			

GRAND TOAL: 1.863 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/05/2022	TO: AMD - P4 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Nam - XHOÀN - MQUÂN	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI TRẦN LIÊM	AMD	02	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
2	VU THANH DAT	AMD	04-05	2	12		73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO KIM LAM	AMD	06-07	2	15		74	KH-THAC	Vietnamese
4	DUONG NHAT QUANG	AMD	09	1	10		64	BAB/VSP	Vietnamese
5	LE THANH TAN	AMD	01	1	11		62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ANH KHOA	AMD	03	1	7	35	48	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM NGOC TUAN	AMD	11	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
8	DUONG CONG TAN	AMD	12	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH PHUC AM	AMD	08	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG TUAN	AMD	10	1	11		66	KH-THAC	Vietnamese
11	VU DINH CUONG	P4	74	1	6		77	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN HOANG TRUONG	P4	73	1	7		78	KHI	Vietnamese
13	TRAN VAN CHIN	P4	71-72	2	12	35	73	KHI	Vietnamese
14	LE DAC NHA	P4	75	1	6		63	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HA	PPD	65	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
16	LAM QUANG NAM	PPD	57	1	8		79	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN MINH VIEN	PPD	62-63	2	15		76	KHI	Vietnamese
18	BUI THANH HAI	PPD	66	1	5		63	KHI	Vietnamese
19	PHAN VAN TUNG	PPD	59	1	12		84	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN DANG HUY	PPD	61	1	4	10	78	KHI	Vietnamese
21	PHAM DUC TUAN	PPD	58	1	5		72	KHI	Vietnamese
22	VU TA QUANG	PPD	64	1	5		71	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	10	12	94	649	35	8		
2	P4	4	5	31	291	35	0		
3	PPD	8	9	61	596	10	14		
TOTAL		22	26	186	1.536	80	22		
WEIGHT KG				186	1.536	80			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	TO: RP3 - RCDM - CTC1	CREW: VThắng - VLin - THỤ	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC KHIÊM	RP3	77-78	2	10		90	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	75-76	2	16		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HIỀN	RP3	69	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH HOÀI ĐỨC	RP3	84	1	5		70	KHI	Vietnamese
5	TRẦN VIỆT QUANG	RP3	71	1	4	60	72	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3	69	1	3		63	KHI	Vietnamese
7	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	72-73	2	10		70	KHI	Vietnamese
8	LÀNH TRUNG ĐÔNG	RP3	76	1	4		68	KHI	Vietnamese
9	NGÔ THANH LÂM	RP3	70	1	5		65	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC ANH	RP3	67	1	3		70	KHI	Vietnamese
11	PHẠM TỬ ANH	RP3	90	1	14		70	CODIEN	Vietnamese
12	VŨ MẠNH ĐIệp	RP3	81-82	2	10		67	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN HIỆP THANH	RP3	80	1	9		80	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC BIỂU	RP3	83	1	8		67	CODIEN	Vietnamese
15	ĐO DUY TIỀN	RP3	89	1	14		70	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3	77	1	7		70	KHI	Vietnamese
17	PHẠM HỒNG QUÂN	RP3	74-75	2	5		80	KHI	Vietnamese
18	HOANG HUY HIỆU	RP3	79	1	4		70	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG HÀ	RP3	87-88	2	10		67	KHI	Vietnamese
20	MAI NGỌC CUÔNG	RP3	85-86	2	15		65	KHI	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC ĐIỀU **	RCDM	99,600	2	12	20	70	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	20	27	158	1,404	60	18		CHUYEN 4 PAX RCDM-CTC1
2	RCDM	1	2	12	70	20	0 + 4		
3	CTC1	0	0	0	0	40	4		
TOTAL		21	29	170	1,474	120	22		
WEIGHT KG				170	1,474	120			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Hoa

[Signature]



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	TO: RC5 - CLI - P7	CREW: Phong - XTrường - DTùng	ETA: 11:25
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM HỒNG QUY	RC5	58	1	15		65	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	RC5	53-54	2	18		70	DVL	Vietnamese
3	PHẠM VĂN CƯỜNG	RC5	55	1	15	10	86	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LINH	CLI	25-26	2	11		48	YTE	Vietnamese
5	NGUYỄN NAM KHÁNH	CLI	23-24	2	15		90	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC DŨNG	CLI	17	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	KARPENKO	CLI	07	1	8		85	KH-THAC	Russian
8	DUCHENKO	CLI	06	1	5		130	KH-THAC	Russian
9	TRỊNH LÊ TUẤN	CLI	09	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ LAM ĐIỀN	CLI	20-21	2	7	40	72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HAI DƯƠNG	CLI	27-29	3	16		70	KH-THAC	Vietnamese
12	MAI QUỐC HUNG	CLI	19	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN VŨ	CLI	05	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG MINH TÂM	CLI	11-12	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THANH HAI	CLI	01-02	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
16	CHU VĂN VƯƠNG	CLI				30	70	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG ĐÌNH HUẤN	CLI	22	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG TRỌNG CHUNG	CLI	10	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
19	TÀ THANH QUANG	CLI	18	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ TRUNG QUÂN	CLI	08	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ ĐÌNH KHOA	CLI	16	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	3	4	48	221	10	4		
2	CLI	18	24	134	1.356	70	13		
3	P7	0	0	0	0	50	5		
TOTAL		21	28	182	1.577	130	22		
WEIGHT KG				182	1.577	130			

GRAND TOAL: 1.889 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	TO: CTK3 - BK3 - BK5	CREW: VTHU - ĐỨC - thông	ETA: 11:30
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	56	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN BÌNH	CTK3					80	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	48	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ HỮU HÀ	CTK3	49-50	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VĂN HUY	CTK3	53	1	10		68	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH HIỀN	CTK3	43	1	15	15	80	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC HÙNG	CTK3	41-42	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
8	CAO XUÂN BÀ	CTK3	45-46	2	10		58	BASON	Vietnamese
9	BUI VĂN DUẬN	CTK3	54	1	8		60	BASON	Vietnamese
10	LÊ DUẬN	CTK3	47	1	8		55	BASON	Vietnamese
11	NGUYỄN HOÀI HỒNG KHA	CTK3	58	1	15	10	80	BASON	Vietnamese
12	VŨ VĂN CHUNG	CTK3	57	1	6		60	BASON	Vietnamese
13	DƯƠNG ĐẶC CHI	CTK3	51-52	2	13		58	BASON	Vietnamese
14	VŨ VĂN KIẾN	CTK3	55	1	5		58	BASON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	14	17	138	947	25	18		CHUYEN 4 BK3-BK5
2	BK3	0	0	0	0	0	0	4	
3	BK5	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		14	17	138	947	25	20		
WEIGHT KG				138	947	25			

GRAND TOAL: 1.110 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/05/2022	TO: RP3 - RP1 - BK16	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Nam - XHOÀN - MQUÂN	ETA: 11:35
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAI TUAN SON	RP3	42-43	2	15		75	KHI	Vietnamese
2	ĐINH KHAC HUNG	RP3	41,40	2	15	70	69	KHI	Vietnamese
3	LE TRUNG HIEU	RP3	64	1	15		102	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI TRONG HOI	RP3	58	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN SY MY	RP3	59	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VAN THUONG	RP3	65-66	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐO VAN TUYEN	RP3	56-57	2	15		88	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN NAM	RP3	60-61	2	15		78	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN CONG QUYNH	RP3	62-63	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN HUU MINH	RP3	54-55	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN VAN MINH	RP3	52-53	2	15		61	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TOAN	RP3	44-45	2	15		85	TTIN	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC LANG	RP3	49-50	2	15	21	67	TTIN	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN HONG	RP3	51	1	15		63	PSV	Vietnamese
15	PHAM XUAN TRUONG	RP1	75	1	15	16	75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN SAU	BK16	24	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐAO KIM CUONG	BK16	60	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
18	LE MINH THANG	BK16	21	1	10	30	72	KH-THAC	Vietnamese
19	LUU ĐỨC TUAN	BK16	22-23	2	8		80	KH-THAC	Vietnamese
20	VU DINH CHIEN	BK16	25	1	9		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

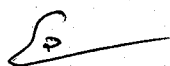
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	14	24	210	1.034	91	8		THAO 2 CHO CHO HANG
2	RP1	1	1	15	75	16	5		
3	BK16	5	6	43	358	30	7		
TOTAL		20	31	268	1.467	137	20		
WEIGHT KG				268	1.467	137			

GRAND TOAL: 1.872 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/05/2022	TO: TD2 - P8 - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:50
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Linh - Duong - QTruong	ETA: 13:30
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN VĂN MUỐI	TD2	19	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ NGỌC LUÂN	TD2	20	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN VĂN MẠNH	TD2	18	1	14		65	KHOAN	Vietnamese
4	BÀN VUON PHIN	TD2	14	1	10		67	DUNGQUA	Vietnamese
5	TRƯỜNG THANH NGHIỆM	TD2	16	1	8		60	DUNGQUA	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN LANH	TD2	10-11	2	16		70	DUNGQUA	Vietnamese
7	ĐO TÂN BÌNH	TD2	08	1	5		75	DUNGQUA	Vietnamese
8	NGUYỄN TUÂN ANH	TD2	12	1	7		75	DUNGQUA	Vietnamese
9	TRẦN HOANG NHI	TD2	17	1	9		80	DUNGQUA	Vietnamese
10	PHAN VĂN BÌNH	TD2	13	1	5		52	DUNGQUA	Vietnamese
11	ĐOÀN HOÀNG CHIẾN	TD2	15	1	8		68	DUNGQUA	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TUÂN	TD2	09	1	7		65	DUNGQUA	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN VIỆT	AMD	84	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
14	LÝ CAO THĂNG	AMD	16	1	8	40	74	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH ANH BAO	AMD	19-20	2	10		78	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN VĂN HÒA	AMD	17-18	2	8		70	PSV	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN THỊNH	AMD	15	1	3		48	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	12	13	111	807	0	4		
2	P8	0	0	0	0	0	9		
3	AMD	5	7	34	355	40	9		
TOTAL		17	20	145	1.162	40	22		
WEIGHT KG				145	1.162	40			

GRAND TOAL: 1.347 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: 10	TO: PPD - P5 - HST	CREW: Linh - Duong - TRUONG	ETA: 16:40
VANG-B/			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	12-13	2	7		70	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	19	1	7		60	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN VINH	PPD	02	1	5		80	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	17	1	6		66	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HA	PPD	22	1	5		60	KHI	Vietnamese
6	HOANG HUY TIEN	PPD	26	1	6		60	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	23	1	10		75	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	21	1	7		77	KHI	Vietnamese
9	PHẠM HỒNG THAI	PPD	20	1	4		66	KHI	Vietnamese
10	ĐOÀN DUY HUNG	PPD	27	1	7		88	KHI	Vietnamese
11	LÊ MINH PHUNG	PPD	25	1	4		77	KHI	Vietnamese
12	HUYNH NAM LONG	PPD	01	1	15		70	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	24	1	7		50	KHI	Vietnamese
14	VŨ ĐỨC HOANG	PPD	18	1	6		67	KHI	Vietnamese
15	LƯU QUÝ TRUNG	PPD	16	1	5		73	PSV	Vietnamese
16	HA VAN NIEM	PPD	28	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	HỒ HỮU PHUONG	PPD	14-15	2	9		77	PSV	Vietnamese
18	LƯU ĐỨC THỊNH	PPD	04	1	14	8	70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC MINH	PPD	03	1	10		86	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN CÔNG ĐỊNH	PPD	06	1	10	12	69	XAYLAP	Vietnamese
21	LẠI ANH TUẤN	P5	14-15	2	13	68	105	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐỖ THẾ THANH	HST	12-13	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	20	22	149	1.411	20	15		
2	P5	1	2	13	105	68	1		
3	HST	1	2	9	70	0	6		
TOTAL		22	26	171	1.586	88	22		
WEIGHT KG				171	1.586	88			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/05/2022	TO: RP3 - GTC1 - CLI	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:55
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: QViệt - ĐNam - Vũ	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG NGOC HOA	RP3	34	1	5		65	PSV	Vietnamese
2	ĐINH VAN LUU	RP3	33	1	5		52	PSV	Vietnamese
3	DINH KHAC HAI	RP3				70	72	KHI	Vietnamese
4	TA MINH TU	RP3					58	KHI	Vietnamese
5	PHAM XUAN VINH PHUC	GTC1	51	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN VAN HUNG	GTC1	52	1	5	15	85	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NGHIA TIN	GTC1	66	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN BAC	GTC1	53	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
9	LE QUANG HA	GTC1	65	1	10		73	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN VAN BINH	CLI	90-91	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN TUAN	CLI	95	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM VAN PHUONG	CLI	89	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VIET PHUONG	CLI	97	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN GIANG	CLI	96	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH THE ANH	CLI	84	1	4	10	75	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG MANH THANG	CLI	99	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TAN HAU	CLI	100	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN MINH ĐUC	CLI	92	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG NGAN	CLI	98	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	4	2	10	247	70	0		
2	GTC1	5	5	41	364	15	5		
3	CLI	10	11	69	716	10	17		
TOTAL		19	18	120	1.327	95	22		
WEIGHT KG				120	1.327	95			

GRAND TOAL: 1.542 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

